

UNIT 10

ENERGY SOURCES

(CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG)

A. NGỮ PHÁP (GRAMMAR)

I. Cấu trúc so sánh với *more ... than*

Chúng ta dùng cấu trúc so sánh với *more ... than* để so sánh hơn giữa hai người, hai sự vật hay sự việc.

Cấu trúc:

S + V + more + adj/adv/noun + than + noun/pronoun

Ví dụ:

She is more beautiful than her mother.

(Cô ấy đẹp hơn mẹ của cô ấy.)

Nam speaks French more fluently than Mai.

(Nam nói tiếng Pháp thành thạo hơn Mai.)

Springfield uses more coal than Twin Peaks.

(Springfield sử dụng than nhiều hơn Twin Peaks.)

LƯU Ý:

- Chúng ta chỉ dùng tính từ dài với *more ... than*. Với tính từ ngắn, chúng ta không dùng *more* mà thêm *-er* vào sau tính từ để thành lập dạng so sánh hơn.

Ví dụ:

tall (cao) → taller (cao hơn)

short (thấp) → shorter (thấp hơn)

fast (nhanh) → faster (nhanh hơn)

- Với các tính từ ngắn có một âm tiết mà kết thúc bằng nguyên âm + phụ âm, chúng ta gấp đôi phụ âm cuối trước khi thêm *-er*.

Ví dụ:

big (<i>to</i>)	→	bigger (<i>to hơn</i>)
hot (<i>nóng</i>)	→	hotter (<i>nóng hơn</i>)
fat (<i>mập</i>)	→	fatter (<i>mập hơn</i>)

- Với các tính từ có hai âm tiết kết thúc bằng *y*, chúng ta đổi *y* thành *i* rồi thêm *-er*.

Ví dụ:

happy (<i>hạnh phúc</i>)	→	happier (<i>hạnh phúc hơn</i>)
funny (<i>buồn cười</i>)	→	funnier (<i>buồn cười hơn</i>)
friendly (<i>thân thiện</i>)	→	friendlier (<i>thân thiện hơn</i>)

- Với các tính từ kết thúc bằng *e*, chúng ta chỉ cần thêm *-r*.

Ví dụ:

late (<i>trễ</i>)	→	later (<i>trễ hơn</i>)
simple (<i>đơn giản</i>)	→	simpler (<i>đơn giản hơn</i>)
polite (<i> lịch sự</i>)	→	politer (<i> lịch sự hơn</i>)

- Một số tính từ có dạng so sánh riêng của chúng.

Ví dụ:

good (<i>tốt</i>)	→	better (<i>tốt hơn</i>)
bad (<i>tệ</i>)	→	worse (<i>tệ hơn</i>)
many, much (<i>nhiều</i>)	→	more (<i>nhiều hơn</i>)

II. Cấu trúc so sánh với *less ... than*

Chúng ta dùng cấu trúc so sánh với *less ... than* để so sánh kém giữa hai người, hai sự vật hay sự việc.

Cấu trúc:

S + V + less + adj/adv/noun + than + noun/pronoun

Ví dụ:

This test is less difficult than the last test.
(*Bài kiểm tra này ít khó hơn bài kiểm tra lần trước.*)

John writes less clearly than his sister.
(*John viết ít rõ ràng hơn chị gái của anh ấy.*)

Twin Peaks gets less energy from coal than Springfield.

(*Twin Peaks nhận năng lượng từ than ít hơn Springfield.*)

III. Cách dùng *and* và *but*

1. Cách dùng *and*

Chúng ta dùng *and* để nối các ý tương tự nhau. Các ý này có thể là từ, cụm từ hay mệnh đề.

Ví dụ:

She is nice and kind.

(*Cô ấy đẹp và tốt bụng.*)

Phong likes reading books and playing chess.

(*Phong thích đọc sách và chơi cờ.*)

It's cheap and it's renewable.

(*Nó thì rẻ và nó có thể tái tạo.*)

2. Cách dùng *but*

Chúng ta dùng *but* để nối các ý tương phản hay trái ngược nhau. Các ý này có thể là từ, cụm từ hay mệnh đề.

Ví dụ:

He is handsome but unfriendly.

(*Anh ấy đẹp trai nhưng không thân thiện.*)

Lan is good at math but not good at English.

(*Lan giỏi Toán nhưng không giỏi tiếng Anh.*)

It's clean but it's expensive to build.

(*Nó sạch nhưng chi phí xây dựng đắt.*)